

Số: 90/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016

1. Khoản 1 và khoản 4 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 1 được sửa đổi như sau:

“1. Tàu thuyền là phương tiện được quy định tại khoản 1 Điều 4 Bộ luật hàng hải Việt Nam”.

b) Khoản 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Khu vực hàng hải: là vùng nước thuộc một cảng biển và khu vực quản lý của một cảng vụ hàng hải do Bộ Giao thông vận tải công bố theo quy định tại khoản 15 Điều 3 và Điều 18 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam”.

2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Điểm d khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“đ) Tàu thuyền của lực lượng vũ trang, hải quan, cảng vụ, tàu thuyền chuyên dùng tìm kiếm cứu nạn của Việt Nam và tàu thuyền của cơ quan quản lý nhà nước khác khi thực hiện công vụ không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này; trường hợp hoạt động thương mại tại Việt Nam phải nộp phí, lệ phí hàng hải theo quy định tại Chương III của Thông tư này”.

b) Khoản 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Phương tiện thủy nội địa (trừ phương tiện mang cấp đăng kiểm VR-SB có tổng dung tích từ 500 GT trở lên) hoạt động vận tải nội địa giữa các khu vực hàng hải thực hiện nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa. Phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo nộp phí, lệ phí theo quy định tại Chương III Thông tư này”.

3. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Phương tiện thủy nội địa không có thông số để quy đổi ra trọng tải toàn phần tính phí, lệ phí thì áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này để quy đổi ra tấn trọng tải toàn phần làm cơ sở tính và thu, nộp phí, lệ phí”.

b) Khoản 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“6. Quy định về thanh toán phí, lệ phí hàng hải:

a) Người nộp phí, lệ phí hàng hải phải nộp và thanh toán xong các khoản phí, lệ phí hàng hải trước khi tàu thuyền được cảng vụ hàng hải cấp phép rời khu vực hàng hải. Người nộp phí, lệ phí hàng hải được chậm nộp các khoản phí, lệ phí trong thời hạn tối đa là 5 ngày làm việc kể từ ngày tàu thuyền được cấp phép rời cảng trong trường hợp:

- Người nộp phí, lệ phí có ký quỹ tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật dân sự để nộp phí, lệ phí cho tàu thuyền quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

- Người nộp phí, lệ phí có cam kết hoặc ký quỹ tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật dân sự để nộp phí, lệ phí tàu thuyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

b) Phí sử dụng vị trí neo, đậu đối với trường hợp phương tiện neo đậu từ 01 tháng trở lên tại khu vực hàng hải: Người nộp phí thực hiện nộp phí sử dụng vị trí neo, đậu theo tháng, thời hạn nộp trong ngày làm việc đầu tiên của tháng kế tiếp; tháng cuối cùng, thực hiện nộp phí theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Trường hợp phương tiện thủy nội địa theo quy định của pháp luật được làm thủ tục vào, rời cảng biển một lần lúc rời cảng nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa một lần theo chuyến khi làm thủ tục rời cảng (bao gồm phí, lệ phí lượt vào và phí, lệ phí lượt rời).

d) Người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí như sau: Nộp phí, lệ phí bằng tiền mặt cho tổ chức thu hoặc nộp bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt vào tài khoản của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại Kho bạc Nhà nước (hoặc Ngân hàng thương mại)".

c) Bổ sung các khoản 10, khoản 11 và khoản 12 như sau:

"10. Phương tiện thủy nội địa mang nhiều cấp đăng kiểm gồm: VR-SB và cấp phương tiện thủy nội địa khác (do cơ quan đăng kiểm cấp), Cảng vụ hàng hải căn cứ bản khai chung của tàu thuyền khi làm thủ tục để thu như sau:

a) Phương tiện hành trình theo tuyến hàng hải nội địa và phương tiện Cảng vụ hàng hải chưa xác định rõ tuyến hành trình hoặc cảng đến tiếp theo áp dụng mức thu phí, lệ phí đối với phương tiện mang cấp đăng kiểm VR-SB.

b) Phương tiện hành trình theo tuyến đường thủy nội địa hoặc có hành trình hỗn hợp gồm cả tuyến hàng hải nội địa và tuyến đường thủy nội địa áp dụng mức thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa.

11. Tàu thuyền hoạt động giữa các cảng, bến thủy nội địa và cầu, bến cảng biển trong 01 (một) khu vực hàng hải thuộc 01 (một) cảng vụ hàng hải quản lý được nộp phí, lệ phí hàng hải 01 (một) lần (gồm một lượt vào và một lượt rời) khi làm thủ tục tại cầu, bến cảng đến đầu tiên theo Biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải theo quy định tại Thông tư này hoặc Biểu mức thu phí, lệ phí quy định tại Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa.

12. Tàu thuyền hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo được Bộ Giao thông vận tải công bố, cảng vụ hàng hải được giao nhiệm vụ quản lý có trách nhiệm thu phí, lệ phí của tàu thuyền theo quy định tại Chương III của Thông tư này".

4. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Điểm d và điểm đ khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Tàu thuyền chuyên tải dầu tại Vịnh Vân Phong - Khánh Hòa áp dụng mức thu bằng 50% mức thu quy định tại khoản 1 Điều này, mức thu này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020; kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 áp dụng mức thu quy định tại khoản 1 Điều này;

đ) Tàu thuyền chở công-ten-nơ xuất, nhập khẩu, trung chuyển vào, rời các bến cảng trên sông Cái Mép - Thị Vải có tổng dung tích từ 50.000 GT trở lên được áp dụng mức thu bằng 60% mức thu quy định tại khoản 1 Điều này; mức thu này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020; kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 áp dụng mức thu quy định tại khoản 1 Điều này”.

b) Điểm a khoản 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải để: (i) tránh bão, tránh thời tiết xấu không đảm bảo an toàn cho tàu thuyền, cấp cứu bệnh nhân mà không xếp dỡ hàng hoá, không đón, trả khách; (ii) chuyển giao người, tài sản, tàu thuyền cứu được trên biển không gắn với hoạt động thương mại theo xác nhận của cảng vụ hàng hải; (iii) tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

5. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau

a) Điểm d và điểm đ khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Tàu thuyền chuyên tải dầu tại Vịnh Vân Phong - Khánh Hòa áp dụng mức thu bằng 50% mức thu quy định tại khoản 1 Điều này, mức thu này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020; kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 áp dụng mức thu quy định tại khoản 1 Điều này;

đ) Tàu thuyền chở công-ten-nơ xuất, nhập khẩu, trung chuyển vào, rời các bến cảng trên sông Cái Mép - Thị Vải có tổng dung tích từ 50.000 GT trở lên được áp dụng mức thu bằng 60% mức thu quy định tại khoản 1 Điều này; mức thu này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020; kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 áp dụng mức thu quy định tại khoản 1 Điều này”.

b) Điểm b khoản 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải để: (i) tránh bão, tránh thời tiết xấu không đảm bảo an toàn cho tàu thuyền, cấp cứu bệnh nhân mà không xếp dỡ hàng hoá, không đón, trả khách; (ii) chuyển giao người, tài sản, tàu thuyền cứu được trên biển không gắn với hoạt động thương mại theo xác nhận của cảng vụ hàng hải; (iii) tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (iv) tàu thuyền đang hành trình trên biển phải xin vào cảng biển vì mục đích tránh bão mà không xếp dỡ hàng hóa, không đón, trả khách”.

6. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Điểm e khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“e) Tàu thuyền chuyên tải dầu tại vịnh Vân Phong - Khánh Hòa áp dụng mức thu bằng 50% mức thu quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này; mức thu này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020; kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 áp dụng mức thu quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này”.

b) Điểm a và điểm b khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Hàng hoá sang mạn tại khu nước, vùng nước để vận chuyển tới các khu vực hàng hải khác hoặc xuất khẩu, nhập khẩu phải nộp phí sử dụng vị trí neo, đậu như sau:

- Hàng hoá thông thường: 0,07 USD/tấn;

- Xe bảo ôn, xe xích, gầu ngoạm, xe lăn đường, xe nâng hàng, cần cầu và các xe chuyên dùng khác: 2 USD/chiếc;

- Ô tô từ 15 chỗ ngồi trở xuống, xe có trọng tải từ 2,5 tấn trở xuống: 0,7 USD/chiếc;

- Các ô tô khác ngoài các loại đã quy định trên: 1,3 USD/chiếc.

b) Trường hợp hàng hoá sang mạn để vận chuyển tới cầu cảng trong cùng một khu vực hàng hải (trừ hàng hóa là nguyên liệu, thành phẩm của doanh nghiệp được vận chuyển đến hoặc rời từ bến cảng, cầu cảng chuyên dùng của chính doanh nghiệp này) không phải nộp phí sử dụng vị trí neo, đậu”.

7. Điểm a khoản 3 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải để: (i) tránh bão, tránh thời tiết xấu không đảm bảo an toàn cho tàu thuyền, cấp cứu bệnh nhân mà không xếp dỡ hàng hoá, không đón, trả khách; (ii) chuyển giao người, tài sản, tàu thuyền cứu được trên biển không gắn với hoạt động thương mại theo xác nhận của cảng vụ hàng hải; (iii) tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

8. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Điểm d khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Tàu thuyền mang cấp đăng kiểm VRH-III có tổng dung tích dưới 500 GT vào, rời khu vực hàng hải không phải nộp phí bảo đảm hàng hải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 áp dụng mức thu phí bảo đảm hàng hải theo quy định tại khoản 1 Điều này”.

b) Điểm b khoản 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải để: (i) tránh bão, tránh thời tiết xấu không đảm bảo an toàn cho tàu thuyền, cấp cứu bệnh nhân mà không xếp dỡ

hàng hoá, không đón, trả khách; (ii) chuyên giao người, tài sản, tàu thuyền cứu được trên biển không gắn với hoạt động thương mại theo xác nhận của cảng vụ hàng hải; (iii) tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (iv) tàu thuyền đang hành trình trên biển phải xin vào cảng biển vì mục đích tránh bão mà không xếp dỡ hàng hóa, không đón, trả khách”.

9. Bổ sung khoản 7 Điều 14 như sau:

“7. Tàu thuyền mang cấp đăng kiểm VRH-III có tổng dung tích dưới 500 GT vào, rời khu vực hàng hải không phải nộp phí sử dụng vị trí neo, đậu đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 áp dụng mức thu phí sử dụng vị trí neo, đậu theo quy định tại khoản 1 Điều này”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017

1. Khoản 2 và khoản 3 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Các Cảng vụ hàng hải được để lại 50% tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều này và nộp 50% tiền phí thu được vào ngân sách trung ương theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước.

3. Số tiền phí để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; trong đó, bao gồm cả các nội dung chi sau:

a) Các khoản chi thường xuyên khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí của các Cảng vụ hàng hải: chi bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn; chi bảo hộ lao động hoặc đồng phục theo chế độ quy định; chi quản lý, vận hành thường xuyên phục vụ hoạt động của hệ thống giám sát, điều khiển tàu thuyền đảm bảo an toàn hàng hải trên luồng hàng hải (hệ thống VTS); chi phí hoạt động phục vụ công tác cải cách hành chính tại cảng biển thuộc nhiệm vụ của cảng vụ hàng hải.

b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên của các Cảng vụ hàng hải: Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống VTS và trang thiết bị phục vụ công tác đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải của cảng vụ hàng hải tại khu vực cảng biển; chi thuê trụ sở, đại diện cảng vụ hàng hải, bến ca nô, bến tàu công vụ (nếu có); chi cho công tác tìm kiếm cứu nạn người, hàng hóa, phương tiện, tàu biển bị tai nạn trong khu vực cảng biển; điều tra tai nạn hàng hải; chi xử lý công việc có liên quan đến phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng nước cảng biển.

c) Chi đặc thù của Cục Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 32/2019/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ chi đặc thù của Cục Hàng hải Việt Nam”.

2. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Quyết toán thu, chi phí, lệ phí

Việc quyết toán thu, chi phí, lệ phí hàng hải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm”.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2020.

2. Bãi bỏ khoản 4 Điều 3, điểm e khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 17 và Phụ lục danh mục khu vực hàng hải trong khu vực quản lý của cảng vụ hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.

3. Trường hợp các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai